

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-03-2022

V/v ly hôn giữa anh H và chị H1

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đề.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Văn Côn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Ngọc H, sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 5 (xóm 14 cũ), xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đinh Thị H1, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 5 (xóm 14 cũ), xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2022 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đặng Ngọc H trình bày:

Anh kết hôn với chị H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định ngày 12/5/1997. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã HT, huyện H. Thời gian đầu ở nhờ nhà bố mẹ vợ, đến năm 2003 vợ chồng mua đất làm nhà ở riêng. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, về làm ăn kinh tế nên hay cãi chửi nhau. Chị H1 nhiều lần xúc phạm danh dự của anh, thậm chí đuổi anh ra khỏi nhà. Gia đình bên vợ cũng tham gia hoà giải nhiều lần nhưng chị H1 không thay đổi tính nết. Tuy ở chung nhà nhưng vợ chồng đã ăn riêng từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến

nhau nữa. Đến nay anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Ngọc V, sinh ngày 02/5/1998 và Đặng Ngọc H, sinh ngày 27/6/2010. Cháu V đã thành niên hiện đi làm tự do nên anh không yêu cầu giải quyết, còn cháu H đang học phổ thông khi ly hôn anh nhường cho chị H1 nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành. Hiện nay anh đang làm thợ xây tự do tại địa phương, thu nhập từ 06 triệu đồng đến 07 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 thửa đất số 82, tờ bản đồ số 7, diện tích 105m² tại xóm 5 (tức xóm 14 cũ), xã HT, huyện H; đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 442627 do UBND huyện Hải Hậu cấp ngày 08/9/2011 đứng tên hai vợ chồng. Trên đất vợ chồng có xây dựng 01 căn nhà mái bằng 01 tầng diện tích 50m², 01 bếp cấp 4 lợp ngói diện tích 20m². Tài sản khác không có gì.

Anh và chị H1 đã thống nhất giao cho chị H1 được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất của vợ chồng nuôi con, chị H1 không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh. Anh đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản của hai bên khi giải quyết ly hôn để có căn cứ pháp lý sang tên cho chị H1.

Về nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Đinh Thị H1 trình bày:

Chị nhất trí với lời trình bày của anh Hoà về việc kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh H còn có quan hệ ngoại tình nhưng chị chưa có chứng cứ, đã nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Tuy vẫn ở chung nhà nhưng đã ăn riêng từ khoảng 03 năm nay, không quan tâm đến công việc của nhau. Bản thân chị theo đạo Thiên Chúa, Luật giáo không cho phép bỏ nhau nên chị không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của anh H. Nếu anh H vẫn giữ ý kiến xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung đúng như anh H trình bày. Nếu ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi cháu H và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng như anh Hoà đề nghị 1.000.000 đồng/tháng thì chị cũng đồng ý; còn đối với cháu V đã thành niên đang đi làm thuê, tự lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, chị nhất trí với ý kiến của anh H trình bày. Chị đồng ý với anh H đề nghị Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận phân chia tài sản của hai bên khi Tòa giải quyết cho ly hôn để có căn cứ pháp lý sang tên nhà đất cho chị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các

đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của anh Đặng Ngọc H, xử cho ly hôn giữa anh H và chị Đinh Thị H1. Giao con chung là Đặng Ngọc H, sinh ngày 27/6/2010 cho chị Đinh Thị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị Đinh Thị H1 là 1.000.000 đồng/tháng. Ghi nhận việc tự thỏa thuận về chia tài sản chung của anh Đặng Ngọc H và chị Đinh Thị H1. Về án phí dân sự, anh H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Đặng Ngọc H và bị đơn chị Đinh Thị H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Ngọc H và chị Đinh Thị H1 có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/5/1997 tại UBND xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã HT, huyện H. Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp, kinh tế khó khăn nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nghi ngờ nhau về sự chung thủy vợ chồng, nhiều lần xảy ra cãi chửi nhau. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng ăn riêng, không quan tâm đến nhau. Nay anh H xin ly hôn, chị H1 không có ý kiến với lý do chị theo đạo Thiên Chúa, luật tôn giáo không cho phép bỏ nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, anh H và H1 đã xảy ra mâu thuẫn từ nhiều năm nay, từ năm 2018 đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Gia đình cũng đã tác động hòa giải nhưng anh chị không hàn gắn được tình cảm. Do đó nếu tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc cũng không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đặng Ngọc H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự, vợ chồng có hai con chung là Đặng Ngọc V, sinh ngày 02/5/1998 và Đặng Ngọc H, sinh ngày 27/6/2010. Do cháu V đã thành niên và lao động tự lập được các đương sự không yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên không xem xét. Đối với cháu Đặng Ngọc H còn là người chưa thành niên, anh H và chị H1 thỏa thuận giao cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H nhận cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 04/2022 cho đến khi con thành niên; cháu H cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như trên là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H và chị H1 thống nhất vợ chồng có tài sản chung là thửa đất số 82, tờ bản đồ số 7, diện tích 105m² tại xóm 5 (tức xóm 14 cũ), xã HT, huyện H; đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 442627 do UBND huyện Hải Hậu cấp ngày 08/9/2011 đứng tên anh H, chị H1. Trên đất vợ chồng có xây dựng 01 căn nhà mái bằng 01 tầng diện tích 50m², 01 bếp cấp 4 lợp ngói diện tích 20m². Các đương sự đã tự thỏa thuận giao cho chị H1 được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất của vợ chồng, chị H1 không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh H và cùng đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản của hai bên khi giải quyết ly hôn. Xét thấy việc các đương sự tự thỏa thuận chia tài sản là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự thống nhất vợ chồng không vay nợ của ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Đặng Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Anh H và chị H1 đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung khi ly hôn và có yêu cầu Tòa án ghi nhận nên không phải chịu án phí chia tài sản theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 59, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đặng Ngọc Hoà và chị Đinh Thị H1.
2. Về việc nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự;

Giao cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 27/6/2010 cho chị Đinh Thị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên (cháu H đang ở với chị H1).

Anh Đặng Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng một tháng), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 04/2022 cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Đặng Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của

Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chia tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận về chia tài sản chung của anh Đặng Ngọc H và chị Đinh Thị H1, cụ thể:

Chị Đinh Thị H1 được quyền sử dụng thửa đất số 82, tờ bản đồ số 7, diện tích 105m² tại xóm 5 (xóm 14 cũ), xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 442627 do UBND huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp ngày 08/9/2011 đứng tên bà Đinh Thị H1, ông Đặng Ngọc H và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà xây mái bằng 01 tầng diện tích 50m², 01 bếp cấp 4 diện tích 20m².

Chị Đinh Thị H1 không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Đặng Ngọc H.

Chị Đinh Thị H1 có trách nhiệm đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao sử dụng tại cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ các khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điểm a, d khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Đặng Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006064 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Đặng Ngọc H còn phải nộp thêm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã HT;
- Hồ sơ vụ án
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên